ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 128 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất HHC Tech Việt Nam"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH công nghệ HHC Việt Nam số 202 ngày 08/01/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất HHC Tech Việt Nam" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH công nghệ HHC Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Minh Quang, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Môi trường thuộc Bộ NNMT;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND phường Thượng Hồng;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[Tr].

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
20/01/2026 10:14:57

Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Nhà máy sản xuất HHC Tech Việt Nam
(Kèm theo Quyết định số 128 /QĐ-UBND ngày 20 /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất HHC Tech Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện: Khu công nghiệp Minh Quang, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH công nghệ HHC Việt Nam.
- Dự án đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5165585327 chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích đất thực hiện dự án 9.846 m^2 thuộc lô CN 6-3, Khu công nghiệp Minh Quang, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên.
- Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô công suất
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất vỏ tủ điện, thang cáp, máng cáp, hộp thang máy và các sản phẩm cơ khí khác như: cửa thép, khung cửa thép, vỏ máy, khung máy, khung điều khiển, khung cabin thang máy, máng đi dây, ống luồn dây kim loại, tấm chắn, vách ngăn kim loại,...*	2599	1.960 tấn/năm
2	Sản xuất thiết bị điện khác *Chi tiết: sản xuất các loại tủ điện, tủ smart locker*	2790	1.640 tấn/năm

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại:

+ Đối với sản phẩm không làm sạch, không sơn: Nguyên vật liệu (thép đen tấm, thép mạ kẽm tấm, nhôm, inox) → kiểm tra → gia công cơ khí, định hình (cắt, uốn, đột, dập, hàn,…) → đóng gói, nhập kho → xuất hàng.

+ Đối với sản phẩm làm sạch bằng hóa chất và sơn: Nguyên vật liệu (thép đen tấm, thép mạ kẽm tấm, nhôm, inox) → kiểm tra → gia công cơ khí, định hình (cắt, uốn, đột, dập, hàn,…) → làm sạch bề mặt bằng hóa chất → sấy → sơn bột tĩnh điện → sấy → đóng gói, nhập kho → xuất hàng.

+ Đối với sản phẩm làm sạch bằng phun bi và sơn: Nguyên vật liệu (thép đen tấm, thép mạ kẽm tấm, nhôm, inox) → kiểm tra → gia công cơ khí, định hình (cắt, uốn, đột, dập, hàn,…) → làm sạch sản phẩm bằng phun bi → sơn bột tĩnh điện → sấy → đóng gói, nhập kho → xuất hàng.

- Chi tiết công nghệ làm sạch bề mặt bán thành phẩm tại dự án:

+ Quy trình công nghệ dây chuyền làm sạch bề mặt thép đen: Bán thành phẩm cần làm sạch bề mặt (thép đen) → tẩy dầu mỡ → rửa nước 1 → tẩy gỉ → rửa nước 2 → định hình bề mặt → phốt phát hóa → rửa nước 3 → sấy khô.

+ Quy trình công nghệ dây chuyền làm sạch bề mặt nhôm: Bán thành phẩm cần làm sạch bề mặt (thép nhôm) → tẩy dầu mỡ → rửa nước 4 → rửa nước 5 → phốt phát nhôm → rửa nước 6 → rửa nước 7 → sấy khô.

- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm thiết bị điện: {(Sản phẩm cơ khí (vỏ tủ) → lắp ráp chi tiết cơ khí) + vật liệu điện} → lắp ráp thiết bị điện chính → gia công thanh đồng cái → đấu dây động lực → lắp thiết bị điều khiển/hiển thị → chạy thử → kiểm tra xuất xưởng → đóng gói → giao hàng.

1.4. Phạm vi

Các hạng mục công trình của dự án cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Tầng cao tối đa
I	**Công trình chính**	**6.281,86**	**13.035,55**	
1	Nhà xưởng	5.880	11.760	2
2	Nhà văn phòng + bể ngầm PCC	401,86	1.275,55	3
II	**Công trình phụ trợ**	**51,79**	**51,79**	
1	Nhà vệ sinh	51,79	51,79	1
III	**Công trình ngầm và hạ tầng kỹ thuật**	**39,93**	**39,93**	
1	Nhà bảo vệ	23,83	23,83	1
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (xây ngầm)	-	-	
3	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất (bể ngầm)	-	-	
4	Trạm biến áp (trạm treo 1.000kV)	-		
5	Nhà xe	16,1	16,1	
IV	**Đất giao thông**	**1.477,96**		
V	**Đất cây xanh, cảnh quan**	**1.978,46**		
VI	**Đất mặt nước**	**16**		
	Tổng	**9.846**		

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Khoản 4, Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi

trường nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, có phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Nước thải: Nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất phát sinh từ 02 dây chuyền làm sạch bề mặt thép và nhôm, từ hệ thống xử lý hơi hóa chất của 02 dây chuyền làm sạch định kỳ thải bỏ.

+ Bụi, khí thải: Bụi kim loại từ quá trình gia công cơ khí; khí thải phát sinh từ công đoạn hàn; bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt sản phẩm bằng phương pháp phun bi; bụi phát sinh từ quá trình sơn bột tĩnh điện; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn bột tĩnh điện sử dụng nhiên liệu gas; khí thải phát sinh từ kho hóa chất; khí thải phát sinh từ các bể tẩy rửa, làm sạch bằng hóa chất; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy phát điện dự phòng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 1,35 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, coliform.

- Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng, rửa xe ra vào dự án phát sinh khoảng 2,0 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

* Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại dự án khoảng 11,6 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ 07 bể rửa nước của 02 dây chuyền làm sạch bề mặt thép và nhôm định kỳ 01 tháng thay thế 01 lần; từ hệ thống xử lý hơi hóa chất của 02 dây chuyền làm sạch định kỳ 01 năm thay thế 01 lần với lưu lượng thải ngày tối đa khoảng 09 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, TSS, dầu mỡ khoáng và các kim loại nặng.

Ngoài ra, nước thải từ 04 bể tẩy rửa, làm sạch bằng hóa chất định kỳ thay thế 03 tháng/01 lần được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

3.1.2. Bụi, khí thải

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào móng, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

* Giai đoạn vận hành:

- Bụi kim loại từ quá trình gia công cơ khí:

+ Dự báo tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động của 02 máy cắt CNC laser khoảng 36 mg/Nm^3 (vượt giới hạn cho phép).

+ Dự báo tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động của máy cắt CYS 3206-NC KRUMAN rất nhỏ, nằm trong giới hạn cho phép môi trường lao động.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Dự báo nồng độ các thông số đặc trưng CO, NO_x rất thấp, nằm trong giới hạn cho phép môi trường lao động.

- Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt sản phẩm bằng phương pháp phun bi: Dự báo tải lượng bụi phát sinh khoảng 320 mg/m^3 (vượt giới hạn cho phép môi trường lao động).

- Bụi phát sinh từ quá trình sơn bột tĩnh điện: Dự báo tải lượng bụi phát sinh khoảng 160 mg/Nm^3 (vượt giới hạn cho phép).

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn bột tĩnh điện sử dụng nhiên liệu gas: Dự báo hơi VOC hầu như không phát sinh.

- Khí thải phát sinh từ kho hóa chất: Các hóa chất nhập về được lưu giữ riêng biệt, trong các thùng, can kín, không thực hiện pha hóa chất tại kho nên không phát sinh khí thải tại khu vực kho chứa hóa chất.

- Khí thải phát sinh từ các bể tẩy rửa, làm sạch bằng hóa chất: Dự báo nồng độ khí thải phát sinh với các thông số đặc trưng: H_2SO_4: 85 mg/Nm^3; HF: 2.35 mg/Nm^3 (vượt giới hạn cho phép).

- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,015 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

- Chất thải rắn thông thường: Phát sinh khoảng 6.710 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 110 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; dầu nhiên liệu và dầu diezel thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH); chất hấp thụ, vật liệu lọc

(bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nên tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải.

* Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 77,5 kg/ngày (tương đương 24,18 tấn/năm), gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng khoảng 399.456 kg/năm, gồm: bìa carton, bao bì đựng nguyên liệu; thép, nhôm, inox phế liệu, sản phẩm lỗi, hỏng; bi thải; các chi tiết lỗi, hỏng trong quá trình sản xuất tủ điện, tủ locker (dây động lực, dây cáp điện, ốc,..); móc treo thải.

- Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: Khối lượng khoảng 2.671,5 kg/năm, gồm: bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tạo các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác; bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 742 kg/năm, gồm: axit tẩy thải (cặn đậm đặc chứa axit từ bể tẩy gỉ); bazơ tẩy thải (cặn đậm đặc từ bể tẩy dầu); bùn thải của quá trình phốt phát hóa; các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; dầu thủy lực tổng hợp thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị sản xuất (máy cắt, máy khoan, máy hàn,…), máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải, khí thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 05 nhà vệ sinh di động loại 1.200 lít; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị, rửa xe được thu gom về hố ga lắng cặn đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho quá trình thi công, không thải ra môi trường.

* Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại; 01 bể tách dầu mỡ nhà bếp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m^3/ngày đêm, quy trình: Nước thải sinh hoạt → hố thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học →bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Minh Quang và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất: Thực hiện phân dòng nước thải và thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m^3/ngày đêm, quy trình: {(Nước thải từ các bể rửa 1, 2, 3, 5 và 7 → hố gom/tách dầu) + (nước tải từ bể rửa 6 → hố gom nước thải chứa Crom → bể điều hòa nước thải chứa Crom → bể điều chỉnh pH1 → bể khử Crom)} → bể điều hòa nước thải sản xuất → bể điều chỉnh pH2 → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể chứa trung gian → cột lọc áp lực → nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Minh Quang và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh của dự án đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Quang; bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, lắng cặn qua hố ga trước khi đưa vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp; thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

- Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng; bố trí trạm rửa xe trước khi ra khỏi dự án để tránh phát tán bụi.

- Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

- Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

- Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.

* Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt 02 hệ thống thu, xử lý bụi sơn bột tĩnh điện sau đó thoát ra môi trường qua 01 ống thải, tổng công suất 50.000 m^3/giờ (tính theo công suất quạt hút: 02 quạt hút 25.000 m^3/giờ); quy trình công nghệ: {(Bụi sơn từ buồng phun sơn tự động → cyclon → buồng lọc bụi sơn → quạt hút → ống nhánh đầu nối 01) + (Bụi sơn từ buồng phun sơn bán tự động → cyclon → buồng lọc bụi sơn → quạt hút → ống nhánh đầu nối 02)} → ống dẫn chung → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột A thải ra môi trường qua ống thải.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình làm sạch bề mặt bằng hóa chất công suất 20.000 m^3/giờ (tính theo công suất quạt hút); quy trình công nghệ: Hơi hóa chất từ 04 bể tẩy rửa, làm sạch bằng hóa chất của 02 dây chuyền làm sạch bề mặt → phễu thu → đường ống thu gom → tháp hấp thụ → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột A thải ra môi trường qua ống thải.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ 02 máy cắt laser công suất 7.000 m^3/giờ (tính theo công suất quạt hút); quy trình công nghệ: Bụi → miệng hút → đường ống dẫn → thiết bị dập bụi ướt có vách ngăn → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột A thải ra môi trường qua ống thải.

- Đầu tư 03 buồng làm sạch bằng phun bi đồng bộ hệ thống thu hồi bụi; quy trình: Bụi → quạt hút → bộ lọc bụi → khí sạch ra môi trường trong xưởng sản xuất.

- Thiết kế nhà xưởng, bố trí hệ thống thông gió cục bộ tại các vị trí làm việc của công nhân.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động.

- Tăng cường trồng cây xanh, cảnh quan môi trường; công tác vệ sinh công nghiệp, điều tiết các phương tiện giao thông ra vào dự án.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ 02 buồng sơn bột tĩnh điện; 02 máy cắt laser; 02 dây chuyền làm sạch bề mặt bằng hóa chất đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột A.

- Đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo quy chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Bố trí 04 thùng chứa dung tích 250 lít có nắp đậy để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

* Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 09 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 09 m^2; có hệ thống rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng, dán biển cảnh báo nguy hiểm theo TCVN 6707:2009, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Giai đoạn thi công xây dựng: Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bao dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ta không vượt quá giới hạn cho phép.

* Giai đoạn vận hành:

- Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị, sản xuất của Nhà máy.

- Lập kế hoạch điều động các xe, phương tiện vận chuyển ra, vào dự án; không chở hàng hóa vượt trọng tải của xe.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định. Thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; định kỳ thay thế vật liệu hấp phụ; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, tiến hành tạm dừng hoạt động để kiểm tra. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

+ Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu, Chủ dự án khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố hoặc sử dụng các thiết bị thay thế. Trường hợp xảy ra sự cố chưa khắc phục được ngay, Chủ dự án sẽ thông báo cho Ban quản lý hạ tầng KCN và các đơn vị có chức năng phối hợp; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực đầu và cuối khu đất thực hiện dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, CO, NO_2, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2025/BNNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây

dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

5.2. Giai đoạn vận hành

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Thực hiện giám sát theo quy định của Khu công nghiệp Minh Quang.

** Giám sát khí thải:*

- Số vị trí giám sát: 03 vị trí.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Ống thải sau hệ thống thu, xử lý bụi sơn bột tĩnh điện.

+ K2: Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình làm sạch bề mặt bằng hóa chất.

+ K3: Ống khói sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ 02 máy cắt laser.

- Thông số giám sát:

+ Vị trí K1, K3: Lưu lượng, bụi (PM).

+ Vị trí K2: Lưu lượng; hơi H_2SO_4; Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột A.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 06/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.